

Bản án số: **96/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-3-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Kiều

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Long
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tạ Mạnh Hùng - Chuyên viên Tòa án nhân dân Quận T - Thành phố H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đăng V, sinh năm 1982

Địa chỉ: 115/22/22A Đường N, Phường B, Quận M, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981

Nơi cư trú cuối cùng: 148/12/7/37 Đường T, Phường T, Quận T, Thành phố H.

(Ông V và bà L vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Đăng V trình bày:***

Ông tự nguyện chung sống với bà Nguyễn Thị Mỹ L từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Thành phố H. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì bà L bỏ nhà đi cho đến nay không quay về. Ông nhiều lần liên lạc với người thân và bạn bè bà L nhưng không có tin tức về

bà L. Vào năm 2020, Tòa án nhân dân Quận T đã tuyên bố bà L là mất tích. Nay ông xin ly hôn với bà L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà L có một con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2013. Khi ly hôn, ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Lê Đăng V xác nhận không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Nguyễn Thị Mỹ L không có văn bản gọi đến Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Ông Lê Đăng V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

+ Giao con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2013 cho Ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông V không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông V xác nhận không có. Bà L vắng mặt không có lời khai tại Tòa án nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 148/12/7/37 Đường T, Phường t, Quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Lê Đăng V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đơn đề ngày 13/10/2020). Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ hai). Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Ông Lê Đăng V và bà Nguyễn Thị Mỹ L chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Thành phố H (Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2011, quyền số 01/BT do Ủy ban

nhân dân phường B, Quận M cấp ngày 05/9/2011) nên hôn nhân giữa Ông V và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Theo Quyết định số 45/2020/QĐST-VDS ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận T tuyên bố bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981 (nơi cư trú cuối cùng: 148/12/7/37 Đường T, Phường T, Quận T) là người mất tích. Tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: ***“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”***. Như vậy, Ông V yêu cầu được ly hôn với bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Ông V và bà L có một con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2013 (giấy khai sinh số 137/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T cấp ngày 08/7/2013). Tại bản tự khai ngày 13/10/2020, trẻ Lê Đăng K có nguyện vọng sống với ba. Xét thấy, việc Ông V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông V không yêu cầu bà L cấp dưỡng tiền nuôi con.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông V xác nhận không có. Bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đăng V.**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đăng V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

1.2. Về con chung: Ông Lê Đăng V và bà Nguyễn Thị Mỹ L có một con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2013. Giao con chung cho Ông V trực tiếp

nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông V không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng bà L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Lê Đăng V xác nhận không có. Bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Lê Đăng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Ông V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0035878 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Ông V đã nộp đủ án phí.

**3. Quyền kháng cáo:** Ông Lê Đăng V và bà Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**4. Quyền kháng nghị:** Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận T;
- Chi cục Thi hành án Quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Kiều**